

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Chi nhánh Công ty TNHH Aureole BCD ngày 23 tháng 7 năm 2024 và hồ sơ gửi kèm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 706/TTr-STNMT ngày 27 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Chi nhánh Công ty TNHH Aureole BCD, địa chỉ tại Lô D5, Khu công nghiệp Phúc Điền, xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất linh kiện nhựa dùng trong ô tô và trong linh kiện điện tử tại Lô D5, Khu công nghiệp Phúc Điền, xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương & Nhà xưởng A2-1 và A2-2, lô số 02, Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất linh kiện nhựa dùng trong ô tô và trong linh kiện điện tử.

1.2. Địa điểm hoạt động:

+ Địa điểm số 01: Lô D5, Khu công nghiệp Phúc Điền, xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

+ Địa điểm số 02: Nhà xưởng A2-1 và A2-2, lô số 02, Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh, mã số 3600504910-001 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 10/11/2006, thay đổi lần thứ mười ngày 08/4/2022; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 4315843671 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 10/11/2006, chứng nhận thay đổi lần thứ mười bốn ngày 12/3/2024.

1.4. Mã số thuế: 3600504910-001.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công linh kiện nhựa; sản xuất, thiết kế khuôn mẫu; sửa chữa, bảo dưỡng khuôn mẫu; sản xuất và gia công JIG, đồ gá.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Đầu tư công và thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Diện tích đất sử dụng: Địa điểm số 01: 12.000 m²; địa điểm số 02: 4.067,1 m².

- Công suất:

+ Sản xuất và gia công linh kiện nhựa dùng trong ô tô và trong linh kiện điện tử: 150.000.000 linh kiện/năm.

+ Sản xuất, thiết kế khuôn mẫu (không bao gồm công đoạn xi mạ) dùng cho sản xuất sản phẩm nhựa: 20 cái/năm.

+ Sửa chữa, bảo dưỡng các khuôn mẫu liên quan đến ngành nhựa: 50 cái/năm.

+ Sản xuất và gia công JIG, đồ gá cho ngành sản xuất ép nhựa (không bao gồm công đoạn xi mạ): 200 bộ sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chi nhánh Công ty TNHH Aureole BCD :

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Chi nhánh Công ty TNHH Aureole BCD có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
 - 2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
 - 2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chi nhánh Công ty TNHH Aureole BCD;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý các KCN;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND huyện Cẩm Giàng;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2539/GPMT-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phúc Điền, Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, không xả ra môi trường).

- Đã ký Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phúc Điền) tại địa điểm số 01; Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp BW Hải Dương - Dự án 2 (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng, nhà xưởng A2-1 và A2-2 và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung tại lô số 02, Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương) tại địa điểm số 02, về việc thu gom, xử lý nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Địa điểm số 01: Lô D5, Khu công nghiệp Phúc Điền, xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

+ Nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh: Được thu gom trực tiếp về hệ thống xử lý nước thải công suất 28 m³/ngày đêm bằng đường ống PVC Φ 100 độ dốc 1%, dài 480m.

+ Nước thải nhà ăn: Được xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ sau đó theo đường ống PVC Φ 100, độ dốc 1%, L= 60 m tự chảy vào bể gom của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

- Địa điểm số 02: Nhà xưởng A2-1 và A2-2, lô số 02, Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

+ Hệ thống thu gom, xử lý nước thải đã được Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp BW Hải Dương - Dự án 2 xây dựng và lắp đặt đường ống và chịu trách nhiệm xử lý nước thải. Nước thải phát sinh tại các công ty thuê của Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp BW Hải Dương - Dự án 2 được đi

vào 11 bể phốt kích thước 2.900 mm x 1.150 mm x 2.100 mm. Hệ thống đường ống thu gom nước thải là đường ống nhựa HDPE D200 chiều dài 472,4 m và hố ga lắng cặn BTCT kích thước 900 x 900 mm, số lượng 20 cái.

+ Nước thải sau xử lý đạt mức cam kết với Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền sau đó được đầu nối vào hệ thống thu gom của Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền bằng hệ thống đường BTCT D200 mm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Địa điểm số 01: Lô D5, khu công nghiệp Phúc Điền, xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể gom → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom nước thải của KCN.

+ Công suất thiết kế của hệ thống: 28 m³/ngày đêm.

+ Thông số kỹ thuật của hệ thống: Bể gom 23,8 m³ (2,7 m x 3,2 m x 2,75 m); bể điều hoà 23,8 m³ (2,7 m x 3,2 m x 2,75 m); bể thiếu khí 11,9 m³ (1,7 m x 2,55 m x 2,75 m); bể hiếu khí 32,6 m³ (3,7 m x 3,2 m x 2,75 m); bể lắng 12,7 m³ (2,15 m x 2,15 m x 2,75m); bể khử trùng 4,7 m³ (2,15 m x 0,8 m x 2,75 m); bể chứa bùn 8,8 m³ (2,55 m x 1,25 m x 2,75 m).

+ Hóa chất sử dụng: Methanol (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

- Địa điểm số 02: Nhà xưởng A2-1 và A2-2, lô số 02, khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Nước thải được đầu nối vào hệ thống xử lý tập trung của Công ty TNHH MTV Phát triển công nghiệp BW Hải Dương.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Địa điểm số 01: Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

+ Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết gồm 02 bơm nước thải (Q=1,5 m³/h; H=6 m; P=0,25kW, 3 pha-380V-50Hz), 01 máy thổi khí (Q = 1,5 Nm³/phút; H = 3.000 mmAq; P = 2.2kW, 3 phase-380V-50Hz) 01 máy khuấy chìm (Q=1,8m³/p; P = 1/2 HP; 3 phase-380V-50Hz) để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước. Định kỳ hút bùn thải, tránh tồn đọng quá lâu ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý và phát sinh mùi hôi khó chịu. Thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận

chuyên và đưa đi xử lý đúng quy định.

+ Bộ trí công nhân chịu trách nhiệm vận hành liên tục, đúng quy trình vận hành đã xây dựng; theo dõi, ghi chép vào sổ nhật ký vận hành, khi phát hiện sự cố báo cáo ngay với người chủ quản để đưa ra giải pháp khắc phục kịp thời.

+ Khi phát hiện sự cố của hệ thống xử lý nước thải: nước thải sẽ được bơm ngược về bể điều hòa để tiến hành khắc phục, sửa chữa. Sau khi sửa chữa và khắc phục xong, hệ thống tiếp tục xử lý phần nước lưu chứa.

+ Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, Công ty liên hệ làm việc với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Phúc Điền đề xuất phương án xử lý hoặc thuê đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý trong khi chờ khắc phục sự cố.

- Địa điểm số 02: Hệ thống thu gom, xử lý nước thải đã được Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp BW Hải Dương - Dự án 2 xây dựng và lắp đặt đường ống và chịu trách nhiệm xử lý nước thải. Khi có sự cố hệ thống xử lý nước thải Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp BW Hải Dương sẽ xử lý và khi sự cố ở mức nghiêm trọng, Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp BW Hải Dương liên hệ làm việc với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Cẩm Điền - Lương Điền đề xuất phương án xử lý hoặc thuê đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý trong khi chờ khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) do hoạt động tăng quy mô của dự án không tăng công suất hệ thống xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động tại các địa điểm của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm theo Hợp đồng xử lý nước thải tương ứng ký với Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang (Chủ đầu tư hạ tầng KCN Phúc Điền - Tại địa điểm số 01) & Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp BW Hải Dương (Chủ đầu tư hạ tầng nhà xưởng A2-1 và A2-2 - Tại địa điểm số 02) trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung; không được phép xả nước thải ra ngoài môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Trong quá trình xả thải vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Phúc Điền (Địa điểm số 01); hệ thống thu nước thải lô số 02, khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền (Địa điểm số 02) nếu có sự cố bất thường, phải báo cáo kịp thời về Chủ đầu tư, kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Phúc Điền, Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp BW Hải Dương - Dự án 2 để có biện pháp xử lý.

3.3. Chi nhánh Công ty TNHH Aureole BCD chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý tập trung của Khu công nghiệp Phúc Điền (Địa điểm số 01); hệ thống thu nước thải lô số 02, khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền (Địa điểm số 02).

Phụ lục II

ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2539/GPMT-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Địa điểm số 01: Lô D5, Khu công nghiệp Phúc Điền, xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

+ Nguồn số 01: Từ khu vực sửa chữa khuôn.

+ Nguồn số 02: Từ khu vực máy ép nhựa số 01.

- Địa điểm số 02: Nhà xưởng A2-1 và A2-2, lô số 02, Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương:

+ Nguồn số 03: Từ khu vực đóng hàng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí	X(m)	Y(m)
Địa điểm số 01: Lô D5, khu công nghiệp Phúc Điền, xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương		
Tại khu vực sửa chữa khuôn	2315060	572145
Khu vực máy ép nhựa số 01	2314979	572118
Địa điểm số 02: Nhà xưởng A2-1 và A2-2, lô số 02, khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương		
Tại khu vực đóng hàng	2315614	570043

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lắp đặt các đệm cao su chống rung cho máy móc, thiết bị.
- Thường xuyên kiểm tra thẳng bằng của các thiết bị, kiểm tra mài mòn chi tiết để thay thế.
- Định kỳ kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng máy móc, thiết bị.
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án để che nắng, giảm lượng bức xạ mặt trời, tiếng ồn, ngăn bụi phát tán ra bên ngoài nhà máy.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục III

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2539/GPMT-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	100% công suất (kg/năm)		Mã chất thải
			Địa điểm số 01	Địa điểm số 02	
1	Bao bì kim loại (đã chứa kim loại khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	846	0	18 01 02
2	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	93	0	18 01 03
3	Giẻ lau, vải bảo vệ dính nhiễm thành phần nguy hại (dầu, mỡ...)	Rắn	9.645	2	18 02 01
4	Linh kiện điện tử thải	Rắn	201	0	16 01 13
5	Nước thải chứa dầu nhờn	Lỏng	555	0	-
6	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	54	0	08 02 04
7	Kim loại dính dầu	Rắn	15	0	07 03 11
8	Giấy giáp thải	Rắn	52,5	0	07 03 10
9	Pin, ắc quy thải	Rắn	100	2	16 01 12
10	Nước thải từ quá trình làm sạch khuôn	Lỏng	4580	0	07 01 06
Tổng			16141,5	4	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	100% công suất (kg/năm)		Mã chất thải
			Địa điểm số 01	Địa điểm số 02	

1	Bavia nhựa, nilon và sản phẩm nhựa lỗi thải, nhựa cục	Rắn	195.941	3.500	03 02 12
2	Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung	Rắn	445	0	12 06 13
3	Giấy, ống giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	105.915	12.863	18 01 05
4	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải (dây đai, ...)	Rắn	28.781	54	18 01 06
Tổng			331.082	16.417	

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 11,3 tấn/năm (địa điểm số 01); 0,98 tấn/năm (địa điểm số 02).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Địa điểm số 01: 08 thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy với dung tích 120 - 150 lít /thùng được dán tên và mã chất thải nguy hại. Đối với nước thải từ quá trình làm sạch khuôn: Thuê đơn vị thu gom hút trực tiếp tại bể mang đi xử lý.

- Địa điểm số 02: 04 thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy với dung tích 50 lít/thùng được dán tên và mã chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Địa điểm số 01:

+ Bố trí 01 kho chứa CTNH có diện tích 15 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Mái lợp tôn, xung quanh quay tôn, nền bê tông, có cửa ra vào; có khay chứa trong trường hợp xảy ra sự cố rò rỉ chất thải lỏng, có dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại; được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, vật liệu thấm hút; có biển cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

- Địa điểm số 02:

+ Bố trí 01 kho chứa CTNH có diện tích 10 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: khu vực chứa chất thải trong nhà xưởng A2-2, xung quanh vây kín bằng vật liệu chống cháy, nền bê tông, có cửa ra vào; có dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại; được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

Chất thải nguy hại phải thực hiện khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. *Thiết bị lưu chứa*

- Địa điểm số 01: Công ty bố trí 15 thùng rác bằng nhựa HDPE, thể tích 120 lít, đặt xung quanh nhà xưởng và 50 thùng rác bằng nhựa HDPE dung tích 60 lít đặt tại các khu vực làm việc của công nhân.

- Địa điểm số 02: Công ty bố trí 10 thùng rác bằng nhựa HDPE, thể tích 60 lít, đặt xung quanh nhà xưởng.

2.2.2. *Kho lưu chứa*

- Địa điểm số 01:

+ Diện tích kho lưu chứa chất thải rắn thông thường: 50 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Xây bằng tường gạch lửng, mái lợp tôn, nền bê tông, có cửa ra vào kiểm soát.

- Địa điểm số 02:

+ Diện tích kho lưu chứa chất thải rắn thông thường 10 m².

+ Bố trí kho chứa chất thải trong nhà xưởng A2-2, xung quanh quay tôn, nền bê tông, có cửa ra vào kiểm soát.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 60lít/thùng.

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung

phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục IV

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2539/GPMT-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị chức năng theo quy định.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.